

Số: 303 /TM-BVĐK

Quảng Trị, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ GÓI THẦU:**  
**Vật tư can thiệp nội mạch (DSA) năm 2023**  
**của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.**

Kính gửi: Các nhà thầu.

*Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 7 năm 2020 Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;*

*Căn cứ Quyết định số 854/QĐ-BVĐK ngày 16/6/2022 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy trình xây dựng giá gói thầu mua sắm sửa chữa máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa;*

*Căn cứ kế hoạch năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.*

Để có cơ sở xây dựng giá kế hoạch năm 2023, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị mời các nhà thầu tham gia chào giá để xây dựng giá kế hoạch như sau:

**Tên gói thầu:** Vật tư can thiệp nội mạch (DSA) năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

**Nguồn vốn:** Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện.

**Thời gian bắt đầu thực hiện lựa chọn nhà thầu:** Từ quý 1 năm 2023.

**Loại hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định.

**Hình thức đấu thầu:** Đấu thầu rộng rãi, trong nước.

**Thời gian nhận báo giá:** Kể từ ngày Bệnh viện gửi thông báo.

**Hình thức nộp báo giá:**

1. Nhà thầu gửi bản Email trước theo địa chỉ: **nguyenthithao1bvdk@gmail.com**.
2. Đồng thời gửi bản cứng (**02 bản**) theo địa chỉ sau: Nguyễn Thị Thảo. Khoa Dược, Tầng 1, Khu nhà G, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, 266 Hùng Vương, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Mọi chi tiết nhà thầu liên hệ số điện thoại: 0915 493 468 (Nguyễn Thị Thảo)

**(Đính kèm thư mời: Biểu chào giá).**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGD (để báo cáo);
- Lưu: VT, K.Dược.

GIÁM ĐỐC<sup>m</sup>



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Xuân Nhuận

Công ty .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

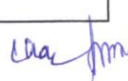
## BIỂU CHÀO GIÁ

### GÓI THẦU VẬT TƯ CAN THIỆP NỘI MẠCH (DSA) NĂM 2023 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG TRỊ

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Bộ bơm áp lực			Bộ	Nhóm 3					200		-
2	2	Bộ bóng nong van hai lá các cỡ			Bộ	Nhóm 1					10		-
3	3	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch			Cái	Nhóm 3				Đoạn gần có đường kính ngoài $\leq 2.9F$ ( $\leq 0.97mm$ ) và đường kính trong $\leq 0.024"$ ( $\leq 0.62mm$ ). Đoạn xa có đường kính ngoài $\leq 2.0F$ ( $\leq 0.68mm$ ) và đường kính trong $\leq 0.020"$ ( $\leq 0.50mm$ ).	10		-
4	4	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 1				- Chất liệu stent: hợp kim Cobalt Chromium (L-605), không phủ polymer - Phủ thuốc Amphilimus (Sirolimus + axit hữu cơ) - Đường kính: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0 và 4.5 mm	15		-
5	5	Bóng nong động mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 4				Đường kính đầu xa của bóng (hoặc Tip profile) $\leq 0.017"$ .	50		-
6	6	Bộ hút huyết khối mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 3					20		-
7	7	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu Cobalt Crom L-605 Phủ thuốc: Sirolimus, độ dày stent $\leq 60 \mu m$ , thanh liên kết hình chữ Z.	20		-



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
8	8	Bộ kết nối			Bộ	Nhóm 3					500		-
9	9	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện			Bộ	Nhóm 3				- Bộ máy tạo nhịp 3 buồng không có phá rung (Cardiac Resynchronization Therapy Pacing), tương thích cộng hưởng từ với chương trình tự động chuyển sang MRI - (MRI Auto Detect) . Dây thất trái 4 cực, chuẩn quốc tế (IS-4), nhịp thích ứng sinh lý -Thể tích $\leq 14\text{cm}^3$ , thời gian hoạt động $\geq 9$ năm. Điều chỉnh không dây – wireless	1		-
10	10	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện			Bộ	Nhóm 3				- Bộ máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích ứng - Thời gian hoạt động $\geq 12$ năm - Tương thích MRI. - Có chương trình giảm tạo nhịp ở tâm thất - Nhịp cơ bản có thể lên tới 200 bpm - Thể tích $\leq 1\text{cm}^3$	15		-
11	11	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện			Bộ	Nhóm 3				- Bộ máy tạo nhịp một buồng nhịp thích ứng - Thời gian hoạt động $\geq 16$ năm - Tương thích MRI. - Nhịp cơ bản có thể lên tới 200 bpm - Thể tích $\leq 10\text{cm}^3$	10		-
12	12	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện			Bộ	Nhóm 3				- Bộ máy tạo nhịp một buồng nhịp cố định - Thời gian hoạt động $\geq 16$ năm - Tương thích MRI. - Nhịp cơ bản có thể lên tới 200 bpm - Thể tích $\leq 10\text{cm}^3$	10		-
13	13	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn và phụ kiện			Bộ	Nhóm 2				Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân ở 1,5T và 3T. Có chức năng: tự động điều chỉnh mức nhận cảm (Sensing Assurance), chương trình giảm tạo nhịp ở tâm thất (Search AV+), tự động điều chỉnh mức năng lượng đầu ra (Capture Management), khuyến nghị thông số cài đặt cho bệnh nhân (TherapyGuide) -Thể tích $\leq 14\text{cm}^3$ - Khối lượng $\leq 32\text{g}$	5		-



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
14	14	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn và phụ kiện			Bộ	Nhóm 2				Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số , cho phép chụp MRI toàn thân ở 1,5T và 3T. - Có chức năng: tự động điều chỉnh mức nhận cảm (Sensing Assurance), tự động điều chỉnh mức năng lượng đầu ra (Capture Management), khuyến nghị thông số cài đặt cho bệnh nhân (TherapyGuide) - Thể tích ≤ 10 cm <sup>3</sup> - Khối lượng ≤ 22g	5		-
15	15	Bộ máy tạo nhịp tim, phá rung và phụ kiện			Bộ	Nhóm 3				- Máy tạo nhịp có phá rung 1 buồng - Thời gian hoạt động >15 năm - Tương thích MRI - Thể tích ≤ 35cm <sup>3</sup> - Có chương trình theo dõi từ nhà (Home Monitoring) - Có chức năng phá cơn nhịp nhanh bằng các đợt xung nhanh trong vùng rung thất (ATP One Shot)	1		-
16	16	Bộ phân phối			Cái	Nhóm 6					500		-
17	17	Bơm áp lực cao			Cái	Nhóm 5					500		-
18	18	Bơm tiêm cân quang			Cái	Nhóm 3					500		-
19	19	Bơm tiêm cân quang các cỡ			Cái	Nhóm 5					500		-
20	20	Bơm tiêm có đầu xoay các cỡ			Cái	Nhóm 6					500		-
21	21	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ các cỡ			Cái	Nhóm 3				Đường kính: 18mm đến 34mm.	10		-
22	22	Bóng nong mạch vành các cỡ			cái	Nhóm 2				Bóng nong mạch vành áp lực cao - Khẩu kính đầu vào (hoặc lesion entry profile) ≤0.41mm (≤0.016") - Chất liệu bóng Fulcrum plus - Chiều dài catheter : ≥142cm - Đường kính bóng từ 2.0 mm đến 5.0mm	50		-
23	23	Bóng nong mạch vành các cỡ			cái	Nhóm 2				Bóng nong động mạch vành áp lực cao, áp lực gây vỡ bóng ≥20 atm - Chất liệu bóng LIGHT - Đường kính bóng từ 2.0 mm đến 5.0mm	50		-

*Chưa*

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
24	24	Bóng nong mạch vành các cỡ			cái	Nhóm 2				Bóng nong mạch vành áp lực thường - Áp lực thường $\geq 8\text{atm}$ , áp lực vỡ bóng $\geq 14\text{ atm}$ - Khẩu kính đầu vào (hoặc lesion entry profile): $\leq 0.016\text{ in.}$ - Chất liệu bóng Ultra-slim - Marker bằng Platinum Iridium - Chiều dài Catheter: $\geq 142\text{ cm}$	50		-
25	25	Bóng nong mạch vành các cỡ			cái	Nhóm 2				Bóng nong mạch vành áp lực thường - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.41\text{ mm}$ ( $\leq 0.016''$ ) - Khẩu kính vượt qua (hoặc crossing profile) $\leq 0.5\text{ mm}$ ( $\leq 0.020''$ ) - Marker chất liệu Micro-Brite	60		-
26	26	Bóng nong can thiệp mạch máu các cỡ			Cái	Nhóm 1				Chất liệu bóng: SCP (Semi-Crystalline Polymer). Chiều dài : 20 mm đến 200mm Tương thích dây dẫn 0.035"	20		-
27	27	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 3				Phủ thuốc paclitaxel, công nghệ phủ Nano	60		-
28	28	Bóng nong động mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 1				- Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): $\leq 0.017\text{ in.}$ - Chất liệu bóng Dual - layer - Có marker Platinum Iridium - Chiều dài: 6mm đến 30mm.	40		-
29	29	Bóng nong động mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 1				- Có marker Platinum - Chất liệu bóng: OptiLeap - Đường kính bóng: 1.2mm đến 4.0mm	40		-
30	30	Bóng nong động mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 5				- Chiều dài khả dụng: $\geq 138\text{ cm}$ - Chiều dài lòng ống dây dẫn: $\geq 25\text{ cm}$ - Đường kính (mm): 1.25; 1.50; 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50. - Chiều dài bóng (mm): 9; 12; 15; 20; 30; 40.	180		-
31	31	Khung giá đỡ động mạch vành có màng bọc			Cái	Nhóm 3				- Chất liệu bằng CoCr (L605), có màng bọc chất liệu Micro-porous ePTFE - Kích cỡ đường kính 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0mm, - Độ dài: 8, 12, 16, 18, 21, 24mm	3		-

Luai jmm



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
32	32	Đầu đốt laser điều trị tĩnh mạch giãn lớn các loại, các cỡ			Cái	Nhóm 6				- Đầu đốt laser điều trị tĩnh mạch giãn lớn có chiều dài dây: 2,5m đến 2,6 m. - Đường kính dây 600µm; 400 µm. - Đường kính đầu phát nhiệt 1,8mm; 1,0mm.	80		-
33	33	Bộ dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch tự động			Cái	Nhóm 3				Cấu tạo: Bộ ống có đầu nhọn để cắm vào chai truyền, kẹp con lăn và khóa Luer, van thông hơi	50		-
34	34	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 2				Chất liệu bóng: Pebax. Có 2 maker bằng vàng	25		-
35	35	Bóng nong dùng trong can thiệp mạch máu các cỡ			Cái	Nhóm 3				Đường kính bóng từ: 4mm đến 10mm. Chiều dài thân dẫn mang bóng loại 75cm hoặc 120cm.	40		-
36	36	Bóng nong dùng trong can thiệp mạch máu các cỡ			Cái	Nhóm 3				Sử dụng với dây dẫn 0.018". Tương thích với dụng cụ 4Fr. Có các đường kính từ: 2mm đến 7mm.	50		-
37	37	Bóng nong mạch máu não các cỡ			Cái	Nhóm 3					10		-
38	38	Bóng nong mạch máu ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 3				Áp lực tối đa (RBP): ≥ 22 atm Đường kính bóng từ 1.5 mm đến 6 mm Chiều dài bóng từ 15 mm đến 240 mm Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax Đường kính thân bóng: ≤ 0.039 inch	10		-
39	39	Bóng nong mạch máu thân kinh các cỡ			Cái	Nhóm 3					15		-
40	40	Bóng nong can thiệp mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 1				Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu bóng: SCP (Semi Crystalline Polymer) Đường kính bóng: 2.0mm đến 5.0mm.	140		-
41	41	Bóng nong can thiệp mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 1				Chất liệu bóng: Semi Crystalline Co-Polymer Điểm đánh dấu bằng Platinum-Iridium Đường kính bóng: 1.25mm đến 4.0mm.	50		-

*Chia Am*

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
42	42	Bóng nong mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 1				* Bóng làm bằng chất liệu Polyamide * Đường kính trục: $\leq 1.9\text{Fr}/0.64\text{mm}$ : đoạn gần, $\leq 2.4\text{Fr}(0.79\text{mm}) - \leq 2.7\text{Fr}(0.89\text{mm})$ hoặc $\leq 2.6\text{Fr}(0.87\text{mm})$ : đoạn xa * Độ dài trục: $\geq 145\text{ cm}$ - Đường kính bóng: 1.0mm; 1.25mm; 1.5mm; 2.0mm; 2.25mm; 2.5mm; 2.75mm; 3.0mm; 3.25mm; 3.5mm; 3.75mm; 4.0mm	50		-
43	43	Bóng nong can thiệp mạch máu các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu bóng: SCP (Semi-Crystalline Polymer). Chiều dài : 20 mm đến 220mm	20		-
44	44	Bóng nong mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 3				Thuốc Paclitaxel với liều $3.0 \pm 0.2 \mu\text{g} / \text{mm}^2$ . Hai điểm đánh dấu platinum-iridium	15		-
45	45	Bóng nong mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 3				Bóng nong áp lực thường Đầu tip sub-zero. Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): $\leq 0.0164\text{ inch}$ . Đường kính: 0.85 mm – 4 mm.	100		-
46	46	Bóng nong mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 3				Bóng nong mạch vành áp lực cao Áp lực tối đa (RBP): $\geq 24\text{ atm}$ Thiết kế đầu bóng Z-tip Đường kính thân bóng: $\leq 0.0345\text{ inch}$ Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): $\leq 0.0169\text{ inch}$ . Đường kính bóng: 1.5 mm đến 5.0 mm.	100		-
47	47	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép các cỡ			Cái	Nhóm 3				Tiết diện thâm nhập (hoặc crossing profile): $\leq 0.03\text{ inch}$ . Đường kính bóng: 1.75mm đến 4.0mm.	30		-
48	48	Bóng nong van động mạch ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 3					5		-

Chức vụ



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
49	49	Catheter chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 1				* Cấu tạo: 2 lớp Nylon rich Polyurethane với lớp đan kép ở giữa * Kích thước: - Đường kính lòng ống: 4Fr hoặc 5Fr - Chiều dài: $\geq 100$ cm	100		-
50	50	Catheter chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 1				* Kích thước: $\geq 5$ Fr với đường kính trong $\geq 1.1$ mm * Chiều dài: 65 cm đến 100 cm	100		-
51	51	Ống thông (Catheter) chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên			Cái	Nhóm 1				* Hình dạng đầu kiểu Brachial * Chịu áp lực $\geq 1200$ psi ( $\geq 8274$ kPa) * Kích thước: - Đường kính trong: 4Fr ( 1.05 mm ) hoặc 5Fr (1.2 mm ) - Chiều dài: 100 cm	500		-
52	52	Catheter chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 1				* Kích thước: - Đường kính lòng ống: 4Fr hoặc 5Fr - Chiều dài: $\geq 100$ cm	100		-
53	53	Chất tắc mạch dạng lỏng			Lọ	Nhóm 1				Chất tắc mạch vĩnh viễn Thành phần bao gồm Ethylene Vinyl Alcohol (EVOH), Dimethyl Sulfoxide (DMSO) và Tantalum để có tính cân quang.	20		-
54	54	Chất tắc mạch dạng lỏng			Cái	Nhóm 3				Chất tắc mạch vĩnh viễn, dạng lỏng. Dung môi dimethyl sulfu-oxide. Dung tích là $\geq 1.5$ ml.	10		-
55	55	Cuộn nút mạch não (coils) các cỡ			Cái	Nhóm 3				Được làm từ chất liệu Platinum Đường kính từ 1.5 đến 20mm	30		-
56	56	Dầu bôi trơn cho hệ thống bảo màng xơ vữa			Lọ	Nhóm 3					10		-
57	57	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch máu			Cái	Nhóm 4				Tần số phát: 45 MHz	50		-

*Chia*

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
58	58	Bóng nong mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 2				Bóng nong mạch vành áp lực thường: - Áp lực vỡ bóng (Rated burst): $\geq 14$ atm. - Vật liệu: Pebax - Thiết kế 3 nếp gấp - Đường kính: 1.2mm đến 4.0 mm.	30		-
59	59	Bóng nong mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 4				Bóng nong mạch vành áp lực cao - Áp lực vỡ bóng (Rated burst): $\geq 18$ atm - Vật liệu: Pebax - Điểm đánh dấu: thép Tungsten - Đường kính: 2.0mm đến 4.5 mm.	30		-
60	60	Dây dẫn can thiệp mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp ái nước Hydrophilic. - Độ dài 190cm hoặc 300cm	25		-
61	61	Dây dẫn can thiệp mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp ái nước Hydrophilic. - Độ dài 190cm hoặc 300cm	30		-
62	62	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Đường kính dây dẫn: 0.035 inch - Chiều dài: 260cm, 300cm	30		-
63	63	Dây dẫn đường cho bóng và stent			Cái	Nhóm 1				Cấu tạo : Đầu ngoại biên hợp kim NiTi. Vòng xoắn có lớp phủ chống thấm Kích thước: Đường kính: $0.014 \pm 0.01$ " Chiều dài : $\geq 180$ cm Chiều dài đầu chắn bức xạ $\geq 3$ cm	500		-
64	64	Dây dẫn đường cho Catheter			Cái	Nhóm 1				* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic, M coat * Kích thước: - Chiều dài: $\geq 260$ cm - Đường kính: $0.035 \pm 0.01$ "	200		-

Chau pm

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
65	65	Dây dẫn đường cho Catheter			Cái	Nhóm 1				* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. * Kích thước: - Chiều dài: $\geq 150$ cm - Đường kính: $0.035 \pm 0.01$ "	700		-
66	66	Dây dẫn và dụng cụ điều khiển dây dẫn của hệ thống bảo màng xơ vữa			Cái	Nhóm 2					10		-
67	67	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện			Bộ	Nhóm 1				- Bộ máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích ứng - Thời gian hoạt động $\geq 11$ năm - Tương thích MRI 1.5T và 3.0T toàn thân, tự động chuyển sang chế độ MRI khi phát hiện môi trường MRI - Có chương trình giảm tạo nhịp ở thất - Điều chỉnh không dây, có chức năng giám sát từ nhà. - Thể tích $\leq 11\text{cm}^3$	3		-
68	68	Dây điện cực tạo nhịp thất trái và phụ kiện			Cái	Nhóm 3				Dây điện cực tạo nhịp thất trái sử dụng cho máy tái động bộ tim CRT. Đường kính 4.8F, dài 87 cm, cố định dạng chữ S. Có phủ lớp fractal iridium.	3		-
69	69	Dây điện cực dùng cho máy tạo nhịp tạm thời			Cái	Nhóm 3					5		-
70	70	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch máu			Cái	Nhóm 4				Tần số phát: 20 MHz	50		-
71	71	Dây đo áp lực trữ lượng mạch vành			Cái	Nhóm 4					40		-
72	72	Dây nối áp lực cao các cỡ			Cái	Nhóm 6					500		-
73	73	Dù đóng còn ống động mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu: Polyester và Nitinol dệt lẫn nhau. • Đường kính dù tại động mạch chủ : 5mm đến 16mm. • Đường kính dù tại động mạch phổi: 4mm đến 14mm	8		-
74	74	Dù đóng còn ống động mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				Đường kính chỗ thắt lưng : 3mm đến 6mm Đường kính bit : 9mm đến 12mm.	8		-
75	75	Dù đóng lỗ Thông Liên Nhĩ các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu: hợp kim Nitinol Đường kính eo từ: 4mm đến 40mm.	10		-



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
76	76	Dù đóng lỗ thông liên thất phần cơ các cỡ			Cái	Nhóm 1				Chất liệu Nitinol. Đường kính : 4mm đến 18mm.	2		-
77	77	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Đường kính lưới lọc: 3mm đến 7mm - Độ dài dây đẩy 190cm hoặc 320cm. - Chất liệu lưới lọc: Nitinol	10		-
78	78	Dụng cụ chọc tách huyết khối			Cái	Nhóm 3					5		-
79	79	Dụng cụ chọc vách các cỡ			Cái	Nhóm 3				Kim chọc vách liên nhĩ	5		-
80	80	Dụng cụ đóng mạch			Cái	Nhóm 1					20		-
81	81	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn còn ống động mạch các cỡ			Bộ	Nhóm 3				Các cỡ: 5Fr đến 9Fr Độ cong đầu xa (Tip): 180 độ	16		-
82	82	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên nhĩ các cỡ			Bộ	Nhóm 3				Các cỡ: 6Fr đến 12Fr Độ cong Tip: 45 độ	10		-
83	83	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên thất các cỡ			Bộ	Nhóm 3				Các cỡ: 4Fr hoặc 5Fr Chiều dài Catheter: 60cm hoặc 80cm.	2		-
84	84	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				Ba vòng tròn độc lập Đường kính làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm Chiều dài ống thông: ≥100cm .	2		-
85	85	Dụng cụ mở đường các cỡ			Cái	Nhóm 6				- Các cỡ: 4Fr đến 6Fr - Chiều dài Introducer là 7cm, 11cm. - Kim chọc 21G dài 4cm - Tương thích dây dẫn 0.021" dài 50cm và 80cm.	200		-
86	86	Dụng cụ mở đường các cỡ			Cái	Nhóm 6				- Các cỡ: 4Fr đến 10Fr - Chiều dài Introducer là 9cm, 11cm - Kim chọc 18G dài 7cm - Tương thích dây dẫn 0.035", 0.038"; dài 45cm, 50cm và 80cm	100		-
87	87	Dụng cụ mở đường dây dài trợ giúp can thiệp mạch			Cái	Nhóm 3				Kích cỡ 6Fr. Đường kính trong: ≥0.088". Chiều dài: 80cm hoặc 90cm.	20		-

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
88	88	Dụng cụ mở đường dùng cho can thiệp mạch máu các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chiều dài: 45cm đến 120cm Đường kính: 4Fr đến 8Fr.	15		-
89	89	Dụng cụ mở đường vào động mạch các cỡ			Bộ	Nhóm 1				Gồm các cỡ : 4Fr, 5Fr, 6Fr Chiều dài: ≤7cm Đường kính dây dẫn ≤0.025" Kim 20G.	500		-
90	90	Dụng cụ mở đường vào động mạch các cỡ			Bộ	Nhóm 1				Gồm các cỡ : 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr Chiều dài: ≥10cm Đường kính dây dẫn: ≥ 0.035" Kim 18G.	200		-
91	91	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay			Cái	Nhóm 1				* Dây dẫn: dài 45cm hoặc 80cm; đường kính: 0,021" hoặc 0,025". * Chiều dài dụng cụ (sheath): 10cm hoặc 16cm * Kích thước: cỡ 5Fr hoặc 6Fr hoặc 7Fr	100		-
92	92	Giá đỡ mạch não các cỡ			Cái	Nhóm 3				Làm bằng nitinol đường kính 3mm đến 6mm, dài 15mm đến 40 mm Có 3 marker đầu xa với đường kính mạch là 2.2 mm-6 mm và 4 marker với đường kính mạch là 4mm-6mm	15		-
93	93	Giá đỡ mạch não các cỡ			Cái	Nhóm 1				Làm bằng nitinol Đường kính 4 và 6mm, chiều dài từ 20 đến 40 mm. 1 marker đầu gần, 3 marker đầu xa (với loại có đường kính 4) và 4 marker đầu xa (với loại có đường kính 6).	15		-
94	94	Giá đỡ ( Stent ) động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 1				Chất liệu: Cobalt Chromium (CoCr), L-605, có lớp phủ proBIO và BIOLute Poly-L-Lactide (PLLA) hấp thụ sinh học, tẩm thuốc Sirolimus	70		-
95	95	Giá đỡ (Stent) lấy huyết khối			Cái	Nhóm 3				Thiết bị đường kính 4.5 mm, chiều dài 26mm. Chiều dài dây dẫn: ≥ 200cm	5		-
96	96	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi các cỡ			Cái	Nhóm 1				Stent tự bung, làm bằng nitinol Đường kính 6mm đến 10 mm Chiều dài 20mm đến 60 mm	5		-

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
97	97	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc các cỡ			cái	Nhóm 1				- Chất liệu: lớp vỏ ngoài bằng hợp kim Cobalt, lõi bằng Platinum Iridium - Phủ thuốc Zotarolimus - Đường kính stent: 2.0mm đến 5.0 mm	70		-
98	98	Giá đỡ động mạch ngoại vi các cỡ			Cái	Nhóm 5				Khung stent làm từ hợp kim Nitinol (Nikel - Titanium), được thiết kế với dạng ống có rãnh, vòng zigzag 8 – 20 đỉnh	20		-
99	99	Bóng nong mạch ngoại vi các cỡ			Cái	Nhóm 5				Vật liệu bóng: Hợp chất nhựa polyamide Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm.	20		-
100	100	Bóng nong mạch ngoại vi các cỡ			Cái	Nhóm 5				Vật liệu Polyamide. Đường kính: 4.0mm đến 12mm	20		-
101	101	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 5				- Chất liệu: CoCr (Cobalt Chromium L605). - Phủ thuốc Sirolimus với liều lượng thuốc tương đương: 1.33 µg/mm <sup>2</sup> - Kích thước: + Đường kính 2.25 mm, 2.50 mm, 2.75 mm, 3.00 mm, 3.25 mm, 3.50 mm, 4.00 mm và 4.5 mm + Dài 9 mm, 13 mm, 15 mm, 18 mm, 23 mm, 28 mm, 33 mm, 38 mm, 40 mm, 44 mm, 48 mm.	195		-
102	102	Giá đỡ (stent) tĩnh mạch loại tự bung các cỡ			Cái	Nhóm 3					10		-
103	103	Giá đỡ điều trị phình mạch máu não các cỡ			Cái	Nhóm 1				Chất liệu nitinol Đường kính 3.0mm đến 8.0mm Có thể thu hồi sau khi đặt ≥90% chiều dài.	2		-
104	104	Giá đỡ động mạch loại tự bung các cỡ			Cái	Nhóm 3				Có kỹ thuật chống nhảy (hoặc Antijump). Đường kính stent: 6mm đến 12mm. Phù hợp với dây dẫn 0.035"	20		-
105	105	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 1				- Phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Platinum Chromium có polymer tự tiêu hoàn toàn	70		-
106	106	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 1				- Thiết kế Stent : Multi-Link, 3-3-3, liên kết không tuyến tính. - Vật liệu: L-605 Cobalt Chromium; phủ thuốc Everolimus	80		-



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
107	107	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 2				Chất liệu: Cobalt Chromium (CoCr) Phủ thuốc Biolimus A9	60		-
108	108	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 1				Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép (lớp phủ Sirolimus trên nền polymer tự tiêu ngoài stent và lớp phủ kháng thể Anti CD34 trong stent)	35		-
109	109	Giá đỡ can thiệp mạch vành			Cái	Nhóm 1				Chất liệu stent: Cobalt chromium (L-650) với lớp phủ ProBIO. Chất liệu màng bao phủ: Electrospun polyurethane, không dệt.	3		-
110	110	Giá đỡ mạch máu ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 3				Stent giãn nở bằng bóng Chất liệu: Cobalt Chromium (L605). Đường kính: 4.5mm đến 7mm. Chiều dài: 12mm đến 19mm.	3		-
111	111	Giá đỡ mạch máu ngoại biên loại tự bung các cỡ			Cái	Nhóm 3				Thiết kế stent: Đỉnh đến lõm (Peak-to-Valley) và các thanh liên kết với nhau bằng khớp nối chữ S (S-articulations) Chất liệu: Nitinol. Đường kính: 7.0mm đến 10.0 mm	10		-
112	112	Giá đỡ mạch ngoại biên các cỡ			Cái	Nhóm 3				Stent ngoại biên tự bung. Chất liệu nitinol thiết kế mắt mở ngắn (hoặc Open short-cell) Đường kính: 5mm đến 10mm Độ dài: 40mm đến 200mm	20		-
113	113	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Vật liệu khung giá đỡ: Cobalt Chromium, L-605. - Độ dày stent: $\leq 71 \mu\text{m}$ . - Phủ thuốc Novolimus nồng độ $5 \pm 0.2 \mu\text{g}/\text{mm}$ .	20		-
114	114	Hạt nút mạch các cỡ			Lọ	Nhóm 1				- Gồm hàng loạt hạt vi cầu dạng hydrogel có khả năng tương thích sinh học, ái nước. - Được sản xuất từ rượu Polyvinyl. - Có nhiều kích cỡ khác nhau: $70 \mu\text{m} - 150 \mu\text{m}$ ; $100 \mu\text{m} - 300 \mu\text{m}$ ; $300 \mu\text{m} - 500 \mu\text{m}$ ; $500 \mu\text{m} - 700 \mu\text{m}$ . Thể tích của hạt: 2ml.	65		-
115	115	Hạt nút mạch các cỡ			Lọ	Nhóm 1				Chất liệu Polyvinyl Alcohol, các cỡ 45-1180 micron.	20		-

*ch*



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
116	116	Khung giá đỡ động mạch chủ bụng các cỡ			Bộ	Nhóm 1				Chất liệu: Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. Đường kính stent: 23mm đến 36 mm, thân nối dài: từ 10mm đến 28mm - Có marker chữ E ở đầu gắn stent	1		-
117	117	Khung giá đỡ động mạch chủ ngực các cỡ			Bộ	Nhóm 1				- Có marker số 8 bằng Platinum Iridium ở đỉnh và giữa stent - Đường kính Stent từ: 22mm đến 46mm	1		-
118	118	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ các cỡ			Cái	Nhóm 3				Đường kính 3.0mm đến 5.0mm Chiều dài 15mm, 20mm. Có thể thu hồi sau khi thả $\geq 90\%$ chiều dài stent	3		-
119	119	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời			Cái	Nhóm 3				Chất liệu Nitinol. Đường kính: 30 mm, với 6 móc neo. Chiều dài ống thông dẫn: 70cm hoặc 100cm.	10		-
120	120	Ống hút huyết khối			Cái	Nhóm 3				Kích cỡ đường kính ngoài đầu gắn: $\leq 6\text{Fr}$ , đường kính trong đầu xa: $\geq 0.072"$ . Chiều dài $\geq 132$ cm.	50		-
121	121	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não các cỡ			Cái	Nhóm 2				Ống thông hút huyết khối 6Fr Đường kính trong: $\geq 0.07"$ Có 2 loại kích thước: dài 125cm hoặc 131cm	10		-
122	122	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ			Cái	Nhóm 1				- Đường kính ngoài: $\leq 2.0\text{Fr}$ ( $\leq 0.67\text{mm}$ ) - Đường kính trong: $\leq 0.019"$ ( $\leq 0.49\text{mm}$ ) - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm	50		-
123	123	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ			Cái	Nhóm 1				- Đường kính ngoài: $\geq 2.7\text{Fr}$ - Đường kính trong: $\geq 0.025"$ - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm - Dây dẫn tương thích: $\leq 0.021"$	20		-
124	124	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu với cuộn vàng			Cái	Nhóm 1				Cấu tạo đồng trục gồm: - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016"	20		-

*Handwritten signature*



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
125	125	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch tạng qua đường động mạch quay			Cái	Nhóm 1				Giữa là lớp bên kép bằng thép không rỉ - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 15cm hoặc 40cm. - Đường kính trong 1.03mm. Áp lực tối đa 750spi - Kích cỡ: 4Fr. Chiều dài 125cm, 135cm, 150cm	30		-
126	126	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ			Cái	Nhóm 1				- Đường kính ngoài đoạn xa: $\leq 1.8\text{Fr}$ - Đường kính ngoài đoạn gần: $\leq 2.6\text{Fr}$ - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm	15		-
127	127	Ống thông can thiệp các loại, các cỡ			cái	Nhóm 1				Kỹ thuật đan lưới lòng ống sợi dệt toàn bộ thành ống (hoặc Full Wall). Lớp áo ngoài bằng chất liệu Vest-Tech Nylon Đường kính trong: cỡ 5Fr là $\geq 0.058"$ , 6Fr là $\geq 0.071"$ , 7Fr là $\geq 0.081"$ , 8Fr là $\geq 0.090"$ .	500		-
128	128	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Kích thước ống thông: 6Fr đến 8 Fr - Chiều dài: 80 cm đến 110 cm.	10		-
129	129	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Đường kính trong $\geq 0.043"$ - Đầu xa (tip) dạng thẳng - Chiều dài 120 hoặc 125 hoặc 130cm	10		-
130	130	Ống thông can thiệp tim mạch các loại, các cỡ			Cái	Nhóm 4				Tiết diện trong ống rộng: 6Fr: $\geq 0.071"$ 7Fr: $\geq 0.081"$ 8Fr: $\geq 0.090"$ Có các loại: JR, JL, AL, SAL, AR, PB, SPB, RB, SC, HS, IM, MP	100		-
131	131	Bóng nong mạch ngoại biên các cỡ			cái	Nhóm 1				- Bóng sử dụng dây dẫn 0.014". - Có marker kép ở giữa bóng. - Đường kính bóng: Bóng thẳng ( 1.5,2,2.5,3,3.5,4.0; 5.0; 6.0; 7.0mm. và bóng thuận (2.0/1.5; 2.5/2.0; 3.0/2.5; 3.5/3.0; 4.0/3.5mm). - Chiều dài bóng: từ 20 đến 210mm.	20		-

*Ua Jm*



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
132	132	Vi ống thông can thiệp kéo dài			cái	Nhóm 3				Có marker (dấu bắt cân quang) làm bằng platinum iridium Tổng chiều dài catheter: $\geq 150\text{cm}$ Chiều dài đoạn xa kéo dài: $\geq 25\text{ cm}$ Chiều dài đoạn dốc: $\geq 4\text{ cm}$	10		-
133	133	Ống thông chẩn đoán các cỡ			cái	Nhóm 2				- Các cỡ 5Fr hoặc 6Fr - Đường kính trong $\geq 0.047"$ ( cỡ 5Fr) hoặc $\geq 0.056"$ ( cỡ 6Fr) - Chiều dài: 100cm hoặc 110cm	300		-
134	134	Ống thông có mũi khoan của hệ thống bảo màng xơ vữa các cỡ			Cái	Nhóm 1					5		-
135	135	Ống thông có mũi khoan của hệ thống bảo màng xơ vữa các cỡ			Cái	Nhóm 1				Ống thông có mũi khoan và dụng cụ đẩy	10		-
136	136	Bóng nong mạch vành có dao cắt			Cái	Nhóm 1					5		-
137	137	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 1				- Các cỡ: 6F đến 8F và 6F dài (6F long)	10		-
138	138	Ống thông hút huyết khối			Cái	Nhóm 1				Ống hút huyết khối đường kính trong $\geq 0.071"$ , đường kính ngoài $\geq 0.085"$ . Chiều dài: $\geq 132\text{cm}$	5		-
139	139	Ống thông hút huyết khối			Cái	Nhóm 3				Đường kính ngoài đầu gần 8Fr, đường kính ngoài đầu xa 8Fr	10		-
140	140	Ống thông hút huyết khối			Cái	Nhóm 3				Đường kính trong đầu xa: $\geq 0.035"$ . Đường kính ngoài đầu xa: $\geq 3.8\text{Fr}$ ; Đường kính ngoài đầu gần: $\geq 4.7\text{Fr}$ . Chiều dài làm việc: $\geq 160\text{cm}$ .	5		-
141	141	Khung giá đỡ can thiệp mạch vành tự tiêu các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu khung: Hợp kim Magie . Lớp phủ BIO lute (Poly-L-Lactide có thể hấp thụ lại (PLLA)).	5		-
142	142	Phụ kiện can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 1				- Chỉ Monofilament Polypropylene - Kim: thép không gỉ	40		-
143	143	Ống thông mang bóng nong động mạch phổi các loại, các cỡ				Nhóm 3					10		-

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VND)
144	144	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch não			Cái	Nhóm 3				Đường kính ngoài đầu xa 2.6Fr; đầu gần 2.95Fr; Chiều dài: $\geq 160$ cm. Đường kính trong $\geq 0.025$ "	30		-
145	145	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch não			Cái	Nhóm 3				Đường kính ngoài đầu xa 2.6Fr; đầu gần 2.95Fr; Đường kính trong $\geq 0.025$ ". Chiều dài: $\geq 150$ cm.	10		-
146	146	Stent dùng cho can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu khung giá đỡ: CoCr (L605) Đường kính từ 12 đến 24mm	2		-
147	147	Stent dùng cho can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Chất liệu lớp bọc: Micro - porous ePTFE tubing ( $203 \pm 25\mu\text{m}$ ). - Chất liệu khung giá đỡ: CoCr (L605)	3		-
148	148	Stent dùng cho can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Vật liệu hợp kim Cobalt Chromium (CoCr), phủ thuốc Ridaforolimus, có lớp polymer đàn hồi - Đầu xa (tip) thiết kế dạng vòng xoắn (Coil)	25		-
149	149	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên tắc mãn tính			Cái	Nhóm 1				Đường kính : 0.014", 0.018", 0.035". Chiều dài : 90cm, 135cm, 150cm.	5		-
150	150	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên			Cái	Nhóm 2				Dây dẫn ngoại biên đường kính $\geq 0.018$ " Chiều dài khoảng 110cm; 150cm, 200cm, 300cm	50		-
151	151	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên			Cái	Nhóm 1				Dây dẫn ngoại biên đường kính $\geq 0.014$ " Chiều dài khoảng 182cm; 300cm	30		-
152	152	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi có phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 3				Chất liệu: Nitinol. Phủ thuốc Paclitaxel Đường kính: 6mm, 7mm	40		-
153	153	Stent dùng cho can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				Đường kính: 5mm đến 10 mm Chiều dài 18mm đến 58 mm.	5		-
154	154	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy các cỡ			Cái	Nhóm 3					1		-
155	155	Vật liệu nút mạch các cỡ			Ông	Nhóm 3				Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene -F. Kích thước hạt: 40 $\mu\text{m}$ đến 1.300 $\mu\text{m}$ .	20		-
156	156	Ví dây dẫn các cỡ			Hộp	Nhóm 2				Lõi Scitanium, đầu tungsteng. Đường kính: 0.014" hoặc 0.018".	30		-



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
157	157	Vi dây dẫn can thiệp mạch thần kinh			Cái	Nhóm 1					10		-
158	158	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên			Cái	Nhóm 3				- Độ hiện thị của đầu xa (tip): $\geq 5$ cm - Đường kính: $\leq 0.016$ inch	30		-
159	159	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 3				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 0.3$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 19$ cm	20		-
160	160	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 0.8$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 16$ cm	30		-
161	161	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\geq 30.0$ gf. - Lớp phủ Hydrophilic, không phủ đầu	20		-
162	162	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 1.0$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 16$ cm	15		-
163	163	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 0.6$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 16$ cm	15		-
164	164	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 1.7$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 15$ cm	15		-
165	165	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 3.5$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 15$ cm	15		-
166	166	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 4.5$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 15$ cm	15		-
167	167	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 3.0$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 8$ cm	5		-
168	168	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $\leq 0.7$ gf - Chiều dài lò xo: $\geq 28$ cm	250		-
169	169	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				- Độ nặng đầu xa (tip) $0.5$ gf - Chiều dài lò xo: $8,5$ cm	30		-
170	170	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Độ hiện thị của đầu xa (tip) $\geq 9$ cm - Đường kính: $\leq 0.008$ inch	10		-
171	171	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Lớp phủ hydrophilic $\geq 170$ cm - Đường kính $0.014$ - Chiều dài $200-300$ cm, có 2 loại đầu tip: thẳng, cong.	50		-

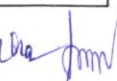


STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
172	172	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Lớp phủ hydrophilic $\geq 170\text{cm}$ - Lớp phủ polymer: $\geq 150\text{cm}$ - Đường kính: 0.014 - Chiều dài 200cm, có 2 loại đầu tip: cong, cong 90 độ.	30		-
173	173	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Độ hiện thị của đầu xa (tip) 3 cm - Đường kính: 0.010 inch	20		-
174	174	Vi ống thông các cỡ			Cái	Nhóm 1				Đường kính trong 0.0165" hoặc 0.021" hoặc 0.027". Chiều dài: $\geq 155\text{cm}$	5		-
175	175	Vi ống thông can thiệp các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Đường kính trong $\geq 0.027$ inch - Chiều dài ống thông 112cm hoặc 132cm.	30		-
176	176	Vi ống thông can thiệp mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Đường kính : $\geq 2.2\text{Fr}$ - Chiều dài: 70 cm đến 150 cm	20		-
177	177	Vi ống thông can thiệp mạch các cỡ			Cái	Nhóm 3				- Đường kính : $\geq 1.8\text{Fr}$ - Chiều dài: 110 cm đến 150 cm - Tương thích dây dẫn : $\leq 0.016$ inch	20		-
178	178	Vật liệu nút mạch các cỡ			Lo	Nhóm 1				Hạt tắc mạch tải thuốc chống ung thư - Chất liệu Poly (poly Sodium acrylate vinyl alcohol) copolymer - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 30 - 200 $\mu\text{m}$ , kích thước hạt sau khi ngâm thuốc 120-800 $\mu\text{m}$ (mở rộng đường kính gấp đến 4 lần so với trạng thái khô), khối lượng 25mg/lo	15		-
179	179	Vi ống thông can thiệp mạch máu các cỡ			Cái	Nhóm 1				Có đường kính ngoài đầu xa kích cỡ 2.1F hoặc 2.4F hoặc 2.8F hoặc 2.9F. Có 3 loại đầu tip: thẳng hoặc 45 độ hoặc cong cố thiên nga	15		-
180	180	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 1				Tương thích với dây dẫn 0.008" hoặc 0.010" Đường kính trong $\leq 0.013$ " Chiều dài $\geq 165$ cm	10		-

*Handwritten signature*

*Red stamp*

STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
181	181	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 1				Làm bằng chất liệu nitinol Đường kính trong $\geq 0.017"$ Chiều dài $\geq 150$ cm, đầu ngoài vi uốn cong sẵn góc 45 độ hoặc 90 độ. Có 2 marker ở đầu.	10		-
182	182	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 1				Làm bằng chất liệu nitinol. Đường kính ngoài (đầu gần - đầu xa) là 2.1-1.7Fr hoặc 2.4-1.9Fr. Đường kính trong $\geq 0.017"$ . Chiều dài khả $\geq 150$ cm	10		-
183	183	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh các cỡ			Cái	Nhóm 1				Đường kính trong 0.015" hoặc 0.017" hoặc 0.021" hoặc 0.027" Chiều dài 130 cm hoặc 153cm	30		-
184	184	Vi ống thông can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Thân ống SHINKA (bên từ 10 sợi dây) - Chiều dài : 135 cm, 150cm	10		-
185	185	Vi ống thông can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Thiết kế ống hình ovan - Ống thông có 2 nòng. - Chiều dài: 145 cm.	5		-
186	186	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch			Cái	Nhóm 4				Chiều dài 150cm, 165 cm	10		-
187	187	Bóng nong mạch vành loại áp lực siêu cao			Cái	Nhóm 3				- Áp lực vỡ bóng $\geq 35$ bar. - Cấu trúc bóng 2 lớp - Đầu tip dài 4mm	20		-
188	188	Vi ống thông can thiệp tim mạch các cỡ			Cái	Nhóm 4				- Đầu tip nhọn $\leq 0.48$ mm - Chiều dài: 135 cm hoặc 150cm.	15		-
189	189	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao			Cái	Nhóm 3				Bơm áp lực lên đến 55 atm	20		-
190	190	Vòng xoắn kim loại các cỡ			Cái	Nhóm 3				Vòng xoắn bằng platinum, lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ $\geq 0.020"$ .	20		-
191	191	Giá đỡ mạch ngoại vi các cỡ			cái	Nhóm 3				- Đường kính: $\geq 5$ mm - Chiều dài Stent: $\geq 20$ mm. - Chiều dài hệ thống: 80cm và 120cm, tương thích với dây dẫn 0.035". - Khung giá đỡ thiết kế 3 đỉnh sóng (Three-wave)	15		-



STT	STT MT	Tên VTYT mời thầu	Tên VTYT dự thầu	Mã hàng	Đơn vị tính	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật (nếu có)	Số lượng kế hoạch	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	
192	192	Bóng nong mạch vành các cỡ			Cái	Nhóm 4				Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu: Nylon - Đường kính: 2.0mm đến 5,0 mm - Chiều dài: 6mm đến 30mm	80		-	
193	193	Bóng nong mạch vành phủ thuốc các cỡ			Cái	Nhóm 2				- Phủ thuốc Sirolimus bằng công nghệ Nano - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm	20		-	
194	194	Xi măng sinh học dùng điều trị phẫu thuật cột sống			Bộ	Nhóm 3				- Gồm: ≥ 25g bột xi măng và 10ml dung môi trộn xi măng, bộ bơm xi măng, kim chọc dò	20		-	
		<b>Tổng cộng: ..... khoản</b>												-

(Bảng chữ: .....)

*Đào Tấn*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
(Ghi chức danh, ký tên, đóng dấu)

